TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 24/2025/HS-ST Ngày 26 - 9 - 2025	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phên tòa: Ông Nguyễn Văn Công

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mùa và ông Phan Tấn Lãm

- Thư ký Phên tòa: Bà Nông Thuý Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Đồng Nai tham gia Phên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm C3 khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2025/TLST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn P, sinh ngày 12/01/1995, nơi sinh: Đồng Nai; Nơi thường trú: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước nay là xã T, tỉnh Đồng Nai; nơi ở hiện tại: Ấp P, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước nay là xã T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị H; chưa có vợ, con; tiền án: 04:

- Ngày 07/08/2014, bị Toà án nhân dân (TAND) huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại Bản án số 37/2014/HSST (đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/01/2025).

- Ngày 25/11/2015, bị TAND huyện B1, tỉnh Bình Phước xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại Bản án số 121/2015/HSST (đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/12/2016).

- Ngày 21/03/2018, bị TAND huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại Bản án số 18//2018/HSST (đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/3/2020).

- Ngày 25/09/2020, bị TAND huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại Bản án số 53/2020/HSST (đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/7/2023).

Tiền sự: Không; về nhân thân: Ngày 23/08/2011, bị TAND huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại Bản án số 63/2011/HSST.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/3/2025 tại phân trại tạm giam khu vực Bù Đốp – Trại tạm giam số 2, tỉnh Đồng Nai cho đến nay; "có mặt".

2. Nguyễn Thị B (tên gọi khác: T1 đen), sinh ngày 01/01/1976, nơi sinh: Đồng Nai; nơi thường trú: Không đăng ký; nơi ở hiện tại: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước nay là xã T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 00/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị M; không có chồng và con;

Tiền án: 04:

- Ngày 27/07/1994, TAND Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại Bản án số 87/HSST (đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/11/1995).

- Ngày 27/02/1997, TAND Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại Bản án số 39/HSST (đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/12/1997).

- Ngày 30/05/1998, TAND Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội "Cướp giật hoặc C3 nhiên chiếm đoạt tài sản của C3 dân" tại Bản án số 1023/HSST (đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/7/2020).

- Ngày 28/06/2002, TAND Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 năm tù về tội "Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma tuý" tại Bản án số 825/HSST (đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/7/2008).

Tiền sự: không; về nhân thân:

- Ngày 04/09/1992, bị C3 an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bắt về tội Trộm cắp tài sản.

- Ngày 08/01/1994, UBND huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định Cưỡng bức lao động 12 tháng về hành vi Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/3/2025 tại phân trại tạm giam khu vực Bù Đốp – Trại tạm giam số 2, tỉnh Đồng Nai cho đến nay; "có mặt".

3. Đồng Văn C(tên gọi khác: Không), sinh ngày 02/6/1996; nơi sinh: Đồng Nai; nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Tổ 5, ấp 8, xã L, huyện N, tỉnh Bình Phước nay là xã L, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đồng Văn Đ (đã chết) và bà Trần Thị Nhi; có vợ Phạm Thị Kim C1 (đã ly hôn) và 01 người con sinh năm 2014;

Tiền án: 02:

- Ngày 13/05/2020, TAND huyện N, tỉnh Bình Phước xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 02 năm về tội "Trộm cắp tài sản" tại Bản án số 29/2020/HSST. Ngày 26/3/2021, TAND huyện N (cũ) ban hành quyết định giải quyết người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Buộc Đồng Văn Cphải chấp hành hình phạt tù 01 năm của bản án số 29/2020/HSST ngày 13/5/2020, (đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/4/2022).

- Ngày 28/07/2023, TAND huyện N, tỉnh Bình Phước xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại Bản án số 55/2023/HSST (đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/9/2024).

Tiền sự: Không; về nhân thân: Ngày 09/06/2020, C3 an huyện N, tỉnh Bình Phước xử lý vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/3/2025 tại phân trại tạm giam khu vực Bù Đốp – Trại tạm giam số 2, tỉnh Đồng Nai cho đến nay; "có mặt".

4. Trần Văn Nh (tên gọi khác: Xài), sinh ngày 01/01/1985; nơi sinh: Đồng Nai; nơi thường trú: Ấp 7, xã H, huyện B, tỉnh Bình Phước nay là xã Th, tỉnh Đồng Nai; nơi ở hiện tại: Ấp P, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước nay là xã T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Đỗ Thị Q (đã chết); không có vợ và 01 người con sinh năm 2016; tiền án: Ngày 18/02/2022, TAND huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt 01 năm tù về tội "Tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép" tại Bản án số 06/2022/HSST (đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/9/2022); tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/3/2025 tại phân trại tạm giam khu vực Bù Đốp – Trại tạm giam số 2, tỉnh Đồng Nai cho đến nay; "có mặt".

5. Nguyễn Minh T1 (tên gọi khác: Không), sinh ngày 02/02/1998; nơi sinh: Đồng Nai; nơi thường trú: Không đăng ký; nơi ở hiện tại: Ấp Tân Lợi, xã Th, huyện B, tỉnh Bình Phước nay là xã T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 00/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh Ch (đã chết) và bà Lê Thị C2; không có vợ và con; tiền án; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/3/2025 tại phân trại tạm giam khu vực Bù Đốp – Trại tạm giam số 2, tỉnh Đồng Nai cho đến nay; "có mặt".

6. Lê Văn C3 (tên gọi khác: Không), sinh ngày 06/06/1994; nơi sinh: Đồng Nai; nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Ấp Tân Hội, xã Th, huyện B, tỉnh Bình Phước nay là xã T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn D và bà Trần Thị R; không có vợ và con; tiền án; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/3/2025 tại phân trại tạm giam khu vực Bù Đốp – Trại tạm giam số 2, tỉnh Đồng Nai cho đến nay; "có mặt".

- *Người bị hại:*

1. Ông Nguyễn Hữu Nh1, sinh năm 1953; nơi ở hiện tại: Ấp Sóc Nê, xã T, tỉnh Đồng Nai "có mặt".

2. Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 2002; nơi ở hiện tại: Ấp Tân An, xã T, tỉnh Đồng Nai "có mặt".

3. Bà Hoàng Thị Tài L1, sinh năm 1997; nơi ở hiện tại: Ấp Tân An, xã T, tỉnh Đồng Nai "có đơn xin vắng mặt".

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Nguyễn Huỳnh Th1, sinh năm 1983 "vắng mặt";

2. Ông Võ Văn G, sinh năm 1986 "vắng mặt";

3. Ông Vũ Viết L2, sinh năm 1996 "vắng mặt";

Cùng nơi ở hiện tại: Ấp Tân Phú, xã T, tỉnh Đồng Nai.

4. Bà Lê Thị C4, sinh năm 1955 "vắng mặt";

Nơi ở hiện tại: Ấp Tân Lợi, xã T, tỉnh Đồng Nai.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

* Người làm chứng:

1. Ông Trần Thị B, sinh năm 1975 "có mặt";

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 2006 "có mặt";

Cùng nơi ở hiện tại: Ấp Sóc Nê, xã T, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại Pên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ sáng ngày 27/02/2025, Nguyễn Thị B (tên thường gọi là T1 đen), đến phòng trọ của Trần Văn P, cả hai rủ nhau đi trộm tài sản. Khi đi P mang theo 01 đèn pin (loại đèn pin dùng đeo ở đầu); P điều khiển xe mô tô màu đen, không biển số chở B đến nhà ông Nguyễn Hữu Nh1, ngụ ấp Sóc Nê, xã T, tỉnh Đồng Nai. Khi đến P dừng xe ở ngoài đường cách nhà ông Nh1 khoảng 10m đứng cảnh giới; B đi vào nhà ông Nh1. Khi vào B phát hiện tại đầu giường ông Nh1 nằm ngủ có 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J8 đang sạc; B lấy điện thoại, sau đó B tiếp tục đi đến phòng ngủ kế bên thấy có 01 điện thoại di động nhưng không lấy được nên đi ra ngoài chỗ P đợi. Lúc này, B tháo ốp điện thoại vừa trộm được bỏ lại bên đường và nói với P lấy được 01 cái điện thoại di động. Còn 01 điện thoại di động và xe mô tô hiệu Dream không lấy được. Nghe vậy, P nói B đứng cảnh giới để P vào nhà tiếp tục trộm tài sản.

Khi P đi vào trong nhà ông Nh1 thì thấy 01 chiếc xe Future FI, biển kiểm soát: 93G1-328.33, màu đỏ - đen cắm sẵn chìa khoá trên xe; P dẫn xe ra cửa rồi nổ máy xe chạy đến chỗ B. Sau đó, P điều khiển xe Future chạy trước còn B điều khiển xe Wave chạy sau về phòng trọ của P dấu xe, còn B cầm điện thoại trộm được về nhà của B.

Sau khi về nhà B phát hiện đã làm rơi chiếc điện thoại của B từ nhà ông Nh1 về nhà; nên B kể lại sự việc bị rớt điện thoại di động cho ông Lê Văn N nghe và B mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ - đen, biển kiểm soát: 93P1 – 242.13 của ông Nên đi tìm điện thoại. Lúc này, B chạy xe quay lại khu vực gần nhà ông Nh1 thì tìm thấy điện thoại nên về trả xe cho ông Nên rồi đi ngủ.

Sau khi trộm cắp xe Future FI, biển kiểm soát: 93G1-328.33; P mang xe đi bán. Khi đi, P mang theo 01 con dao (bằng kim loại màu bạc, dài 52cm, bản dao rộng nhất 04cm, cán bằng gỗ dài 15,5cm, vỏ dao do P tự làm bằng bìa carton, quấn băng keo trong, có buộc dây vào hai đầu bằng băng keo để đeo trên lưng) rồi để phía trước gác baga xe. P điều khiển xe Future FI đến nhà của Vũ Viết L2, tại đây P gặp L2 và Đồng Văn C, P gửi xe mô tô cho L2 nhưng L2 không đồng ý và nói P mang xe đến nhà hoang cách nhà L2 khoảng 30m để cất dấu. Lúc này, P mở cốp xe thì thấy có một bịch dầu gió và một cục máy Tubor, nên P nói C bỏ ra ngoài, C lấy để trên nền nhà. Sau đó, P điều khiển xe qua nhà hoang cất giấu, rồi P đi bộ về phòng trọ.

Khi về phòng trọ, P gặp ông Nên thì biết B đi tìm điện thoại bị rơi; nên P mang theo 01 con dao và đèn pin đi đến nhà hoang lấy xe Future FI để cùng B tìm điện thoại. Lúc này, P đến nhà L2 rủ C đi cùng thì C đồng ý. Khi đến cách nhà ông Nh1 khoảng 10m, P dừng xe và cầm đèn pin và con dao; do không thấy B nên P nói C chạy xe về.

Lúc này, ông Nh1 và chị Nguyễn Thị Kim L (con gái ông Nh1), nghe tiếng, nên chạy ra để bắt giữ P và truy hô. C thấy vậy nên điều khiển xe mô tô bỏ chạy được khoảng 100m thì dừng lại. Còn P bị ông Nh1 bắt giữ nên P đã dùng dao chém ông Nh1 và chị L gây thương tích; bị chém ông Nh1, chị L không ôm giữ P nữa. Lúc này, P cũng bỏ chạy ra đường gặp C. Lúc này, P nói C bị đánh, nên C điều khiển xe Future FI chở P quay về phòng trọ.

Khi về đến phòng trọ, P nói C là xe của P nhờ C mang xe Future FI đi bán. C hỏi P về nguồn gốc của xe, P nói xe của P thì C nói bán qua Campuchia chỉ được khoảng hơn 5.000.000 đồng, P đồng ý. C điều khiển xe mô tô do P Trộm được đến khu vực biên giới Việt Nam – Campuchia thì bị Bộ đội Biên phòng chặn lại, nên C mang xe Future FI về phòng trọ của Nguyễn Huỳnh Th1, ngụ ấp Tân Lập, xã T, tỉnh Đồng Nai gửi. Lúc này, Th1 nói C chạy xe vào phòng của Võ Văn G (kế bên phòng của Th1 để gửi).

Khi biết C không bán được xe, P gặp C lấy lại xe rồi tiếp tục mang đến nhà hoang cất giấu. Đến khoảng 05 giờ sáng ngày 27/02/2025, P qua phòng trọ của

Trần Văn Nh, ngụ ấp Tân Phú, xã T, tỉnh Đồng Nai, nhờ Nh bán xe Future do P trộm đi bán thì Nh đồng ý; rồi Nh điều khiển xe Future FI đến nhà Nguyễn Minh T1, ngụ ấp Tân Lợi, xã T, tỉnh Đồng Nai để nhờ T1 bán xe. T1 biết xe mô tô là xe do P trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý bán.

T1 sử dụng mạng xã hội "Telegram" tên "T1 Bro" gọi điện video call cho người T1 quen biết trước đó, không rõ họ tên ở Campuchia (lưu tên là "Cam") và quay video xe để xem xe, người người mua đồng ý trả 300 USD và yêu cầu điều khiển xe chạy qua Campuchia để trực tiếp xem xe nên T1 và Nh đồng ý. Lúc này, cả hai thoả Th1 nói P là chỉ bán được 250 USD, còn 50 USD T1 và Nh chia nhau xài.

Sau đó, Nh lấy xe mooc của T1 chạy về phòng trọ gặp P, Nh nói với P xe chỉ bán được 250 USD và gọi thêm Lê Văn C3 cùng Nh chạy xe đi bán. Sau đó, P và Nh đến phòng trọ của C3 tại ấp Tân Hội, xã T rồi nói C3 đi cùng, C3 đồng ý. Sau đó, Nh chở C3 đến nhà T1 và chỉ C3 đi ra sau nhà T1 để lấy xe mô tô Future đi bán. C3 biết xe do P trộm cắp nhưng vẫn đồng ý mang đi bán. Sau đó, C3, T1 và Nh thống nhất để C3 chạy xe Future FI qua Campuchia bán; còn T1 chạy xe mooc lôi chở Nh đi theo sau.

Đến khoảng 07 giờ 30 phút ngày 27/02/2025, T1, C3, Nh chạy xe đến khu vực biên giới, lúc này T1 điều khiển xe Future FI qua trạm Campuchia xin đi cưa củi, C3 đi xe mooc qua khỏi trạm Biên phòng Campuchia khoảng 200m, chờ người để bán xe, do chờ lâu không thấy nên T1, C3, Nh thống nhất mang xe Future FI ra chốt Campuchia có quán nước để tìm người mua xe.

Sau đó, Nh, T1 và C3 chạy xe đến chốt Campuchia bán xe Future FI cho hai người Campuchia (không rõ nhân thân, lai lịch) được 8.000.000đ; Nh, C3 và T1 thống nhất cho P là 5.500.000đ, còn số tiền 2.500.000đ, sau khi trừ tiền mua bia, nước uống trên đường. Còn lại chia nhau mỗi người 700.000đ. Sau đó, C3 và Nh đến phòng trọ của P đưa P số tiền 5.500.000 đồng. Số tiền này P đã sử dụng để tiêu xài cá nhân hết.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra, xác định khoảng 18 giờ 30 phút ngày 03/3/2025, Trần Văn P rủ Đồng Văn Cđến xã T, tỉnh Đồng Nai để trộm cắp tài sản thì C đồng ý. C điều khiển xe mô tô màu đen, không biển số của P chở P đi theo hướng đường ĐT759B từ xã Th, huyện B (cũ) đến xã T, huyện B (cũ) khi đi qua nhà chị Hoàng Thị Tài L1, ngụ ấp Tân An, xã T, tỉnh Đồng Nai, phát hiện 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu trắng, biển kiểm soát: 93G1-213.05 của gia đình chị L2 không có người trông coi. Thấy vậy, P nói C dừng xe để P vào lấy trộm chiếc xe Vision. C dừng xe để cảnh giới, còn P vào sân nhà chị L2 trộm chiếc xe Vision ra đường rồi mang xe mô tô lấy trộm được về phòng trọ của Nguyễn Huỳnh Th1, ngụ ấp Tân Phú, xã T, tỉnh Đồng Nai gửi xe nhưng P và C không nói là nguồn gốc do trộm cắp mà có. Sau đó, P mang xe mô tô trên đến khu vực nghĩa địa xã Th, huyện B (cũ) cất giấu, rồi P quay về phòng trọ gặp C, lúc này thì có 01 số điện thoại lạ gọi cho P hỏi về chiếc xe Vision. Lo

sợ bị phát hiện nên Phủ và C mang chiếc xe Vision đến bãi đất trống gần C3 an xã T, tỉnh Đồng Nai cất dấu.

Căn cứ Kết luận ngày 13/3/2025, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B (cũ) định giá tài sản như sau:

01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Future FI, màu đỏ, biển kiểm soát: 93G1- 328.33 tại thời điểm ngày 27/02/2025 có giá trị là 25.550.000đồng.

01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung lại Galaxy J8 tại thời điểm ngày 27/02/2025 có giá trị là 2.916.000 đồng.

01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Vision, màu trắng nâu đen, biển kiểm soát: 93G1-213.05 tại thời điểm ngày 03/3/2025 có giá trị là 17.750.000 đồng.

70 (bảy mươi) chai dầu trị viêm xoang, có đặc điểm giống nhau và không có nhãn hiệu, chai bằng thủy tinh cao 3.5cm, nắp chai bằng nhựa màu đỏ, dung dịch bên trong màu cam; 01 (một) cái Turbo: Không xác định được chủng loại, nguồn gốc xuất xứ, nên không xác định được giá trị tài sản.

Kết luận của Trung T1 pháp y tỉnh Bình Phước (cũ) Kết luận giám định tổn thương cơ thể của ông Nguyễn Hữu Nh1 và Nguyễn Thị Kim L như sau:

- Đối với ông Nguyễn Hữu Nh1: tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 02% (hai phần trăm).

- Đối với Nguyễn Thị Kim L:

+ Sẹo từ phía sau tai ra mặt trước tại bên phải kích thước (6 x 0,1) cm còn chỉ khâu; tỷ lệ phần trăm thương tích là 03%. Tổn thương có đặc điểm của tổn thương do vật có cạnh sắc (có thể kèm nhọn) tác động theo hướng từ sau ra trước.

+ Vết thương mặt trước – dưới – ngoài khuỷu tay trái kích thước (12,5 x 0,2) cm còn chỉ khâu; còn tổn thương dây thần kinh quay bên trái. Mẻ đầu bên trái. Tỷ lệ phần trăm thương tích là 15%. Tổn thương có đặc điểm của tổn thương do vật có cạnh sắc tác động theo hướng từ mặt trước ra mặt sau cẳng tay trái.

+ Vết thương mặt trước – dưới – ngoài khuỷu tay phải kích thước (9 x 0,2) cm, vận động khuỷu phải trong giới hạn bình thường; tỷ lệ phần trăm thương tích là 02%. Vết thương 1/3 giữa - trước căng tay phải kích thước (1 x 0,1) cm trên nền có vết trầy da kích thước (6x0,5) cm, vận động cẳng tay phải bình thường; tỷ lệ phần trăm thương tích là 02%. Hai tổn thương đều có đặc điểm của tổn thương do vật có cạnh sắc (có thể kèm nhọn) tác động theo hướng từ mặt trước cẳng tay ra mặt sau cẳng tay phải.

Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Thị Kim L tại thời điểm giám định là 21% (hai mươi mốt phần trăm).

Tại bản cáo trạng số: 05/CT-VKS ngày 04 tháng 9 năm 2025, Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Đồng Nai đã truy tố:

- Bị cáo Trần Văn P về các tội "Trộm cắp tài sản" và "Cố ý gây thương tích" quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 và điểm d, đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Bị cáo Nguyễn Thị B về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Bị cáo Đồng Văn C về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Bị cáo Trần Văn Nh, Nguyễn Minh T1 và Lê Văn C3 về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Pên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền C3 tố, luận tội, tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173 và điểm d, đ khoản 2 Điều 134; các điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Văn P từ 03 năm đến 04 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Trần Văn P từ 03 năm đến 04 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 tổng hợp hình phạt của hai tội.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đồng Văn Ctừ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trần Văn Nh từ 01 năm 03 tháng tù đến 01 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T1 từ 09 tháng tù đến 01 năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Văn C3 từ 09 tháng tù đến 01 năm tù.

Đề nghị truy mỗi bị cáo Nh, T1 và C3 số tiền 833.000 đồng; truy thu số tiền 5.500.000 đồng do phạm tội mà có đối với bị cáo Trần Văn P.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Trần Văn P bồi thường cho ông Nguyễn Hữu Nh1 và chị Nguyễn Thị Kim L số tiền 120.362.000 đồng.

Tại Pên tòa, các bị cáo không tranh luận gì về tội danh và mức hình phạt theo lời trình bày luận tội của Kiểm sát viên.

Các bị cáo nói lời sau cùng: các bị cáo nhận thấy hành vi phạm tội của bị cáo là sai, vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại Pên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra C3 an tỉnh Bình Phước nay là tỉnh Đồng Nai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Đồng Nai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại Pên tòa các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ và tội danh đối với hành vi của các bị cáo: tại Pên tòa các bị cáo Trần Văn P, Nguyễn Thị B, Đồng Văn C, Trần Văn Nh, Nguyễn Minh T1 và Lê Văn C3 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; lời khai nhận tội của các bị cáo tại Pên tòa phù hợp lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng vụ án đã thu giữ được, biên bản khám nghiệm hiện trường, Kết luận định giá; Kết luận của Trung T1 pháp y tỉnh Bình Phước trong quá trình điều tra; đồng thời phù hợp với kết luận của Đại diện Viện kiểm sát và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được xét hỏi C3 khai tại Pên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 27/02/2025, Trần Văn P và Nguyễn Thị B đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản là 01 chiếc xe Future FI, biển kiểm soát: 93G1-328.33 và 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J8, của ông Nguyễn Hữu Nh1, giá trị tài sản chiếm đoạt là 28.466.000 đồng.

Sau khi lấy trộm tài sản mang về nhà cất giấu, B phát hiện bị rơi điện thoại của B trên đường từ nhà ông Nh1 về, biết B bị rơi điện thoại P cùng Đồng Văn Cđi đến khu vực gần nhà ông Nh1 để tìm điện thoại, khi bị ông Nh1 và chị L phát hiện bắt giữ P, còn C bỏ chạy, P đã dùng dao chém ông Nh1 và chị L gây thương tích, tỷ lệ thương tích của ông Nguyên Hữu Nhân là 02% và chị Nguyễn Thị Kim L là 21%.

Sau khi trộm cắp xe mô tô Future FI, biển kiểm soát: 93G1-328.33, P nhờ Lê Văn C3, Trần Văn Nh và Nguyễn Minh T1 mang xe đi tiêu thụ. Lê Văn C3, Trần Văn Nh và Nguyễn Minh T1 biết xe do trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mang xe mô tô trên sang khu vực biên giới Campuchia bán cho hai người dân Campuchia với giá 8.000.000 đồng; P được hưởng số tiền 5.500.000 đồng, còn lại C3, Nh, T1 mỗi người được hưởng 700.000 đồng.

Ngoài ra, vào ngày 03/3/2025, Trần Văn P và Đồng Văn Ccó hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu trắng, biển kiểm soát: 93G1- 213.05 của bà Hoàng Thị Tài L1, giá trị tài sản chiếm đoạt là 17.750.000 đồng.

[3] Đối chiếu hành vi nêu trên của các bị cáo so với những quy định của pháp luật hình sự thì hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành các tội "Trộm cắp tài sản", "Cố ý gây thương tích" và "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" tội phạm và hình phạt được quy định tại các Điều 173, 134 và 323 Bộ luật Hình sự.

Do đó Cáo trạng số 05/CT-VKS ngày 04 tháng 9 năm 2025, Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Đồng Nai truy tố bị cáo Trần Văn P về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 và tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Nguyễn Thị B và Đồng Văn Cvề tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173; các bị cáo Trần Văn Nh, Nguyễn Minh T1 và Lê Văn C3 về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản; xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người bị hại là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, trị an tại địa phương, gây hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm, bị pháp luật nghiêm cấm. Hơn nữa, các bị cáo Trần Văn P, Nguyễn Văn B, Đồng Văn Cvà Trần Văn Nh khi thực hiện hành vi phạm tội lần này, trước đó các bị cáo đã bị nhiều Toà án nhân dân các cấp xử phạt, trong đó: Bị cáo Trần Văn P, Nguyễn Thị B có 04 tiền án về tội Trộm cắp tài

sản; bị cáo Đồng Văn Ccó 02 tiền án về tội Trộm cắp tài sản; bị cáo Trần Văn Nh có 01 tiền án về tội Tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép. Từ đó, cho thấy các bị cáo là người không có ý thức chấp hành pháp luật. Do đó, C áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm mục đích răn đe, giáo dục các bị cáo có ý thức chấp hành pháp luật và phòng ngừa chung.

[5] Đây là vụ án mang tính đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc, phân C3; tuy nhiên C đánh giá hành vi của từng bị cáo để có mức hình phạt sát đúng khi quyết định hình đối với từng bị cáo trong vụ án:

[5.1] Đối với bị cáo Trần Văn P khi được bị cáo Nguyễn Thị B rủ đi trộm cắp tài sản, bị cáo đã đồng ý, cảnh giới cho bị cáo B thực hiện hành vi trộm cắp tại sản và cũng chính bị cáo đã trực tiếp chiếm đoạt 01 chiếc xe Future FI, biển kiểm soát: 93G1-328.33 vào ngày 27/02/2025, giá trị tài sản chiếm đoạt là 25.550.000 đồng. Sau khi trộm cắp tài sản mang về nhà cất giấu và khi biết B bị rơi điện thoại, P cùng Đồng Văn Cđi đến khu vực gần nhà ông Nh1 để tìm điện thoại, khi bị ông Nh1 và chị L phát hiện, bắt giữ, bị cáo P đã dùng dao chém ông Nh1 và chị L gây thương tích, tỷ lệ thương tích của ông Nguyên Hữu Nhân là 02% và chị Nguyễn Thị Kim L là 21%.

Hơn nữa, vào ngày 03/3/2025 bị cáo tiếp tục rủ bị cáo Đồng Văn Ctrộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu trắng, biển kiểm soát: 93G1- 213.05 của bà Hoàng Thị Tài L1 cư trú tại ấp Tân An, xã T, tỉnh Đồng Nai, giá trị tài sản chiếm đoạt là 17.750.000 đồng.

[5.2] Đối với bị cáo Nguyễn Thị B rủ bị cáo P đi trộm cắp tài sản và trực tiếp chiếm đoạt 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J8 của ông Nguyễn Hữu Nh1, giá trị tài sản chiếm đoạt là 2.916.000 đồng. Đồng thời, sau khi trộm cắp được tài sản bị cáo lại tiếp tục đứng cảnh giới để cho bị cáo P thực thực hiện trót lọt hành vi trộm cắp tài sản của người bị hại.

[5.3] Đối với bị cáo Đồng Văn Ckhi được bị cáo P rủ trộm cắp tài sản bị cáo đã đồng ý. Bị cáo là người điều khiển xe mô tô màu đen, không biển số của P chở P đi đến ấp Tân An, xã T, tỉnh Đồng Nai, đứng cảnh giới cho bị cáo P chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu trắng, biển kiểm soát: 93G1- 213.05 của bà Hoàng Thị Tài L1, giá trị tài sản chiếm đoạt là 17.750.000 đồng.

[5.4] Đối với các bị cáo Trần Văn Nh, Nguyễn Minh T1 và Lê Văn C3, sau khi được bị cáo P nhờ bán 01 chiếc xe Future FI, biển kiểm soát: 93G1-328.33. Mặc dù, các bị cáo biết rõ đây là xe do bị cáo P trộm cắp mà có nhưng các bị cáo vẫn đồng ý, trong đó: bị cáo T1 sau khi được Nh nhờ bán xe, bị cáo là người trực tiếp sử dụng mạng xã hội "Telegram" tên "T1 Bro" để bán tài sản P trộm cắp được; bị cáo C3 là người trực tiếp điều khiển xe chiếc xe Future FI, biển kiểm soát: 93G1-328.33, bị cáo T1 chạy xe mooc lôi chở bị cáo Nh sang khu vực biên giới Campuchia bán cho hai người dân Campuchia với giá 8.000.000

đồng. Sau khi, các bị cáo P được hưởng số tiền 5.500.000 đồng, các bị cáo C3, Nh, T1 mỗi người được hưởng 700.000 đồng.

[6] Xét về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

[6.1] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Lê Văn C3 và Nguyễn Minh T1 phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Thị B và Lê Văn C3 sau khi phạm tội đã ra đầu thú hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Trần Văn P có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Trần Văn Nh có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo P, B, C, T1, C3 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6.3] Về nhân thân: Các bị cáo Trần Văn P, Nguyễn Thị B, Đồng Văn Clà người có nhân thân rất xấu, bản thân các bị cáo có nhiều tiền án.

Các bị cáo Nguyễn Minh T1, Lê Văn C3 là người có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự.

[7] Xét về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng...". Do đó, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo là người không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định. Do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Tại Pên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Đồng Nai đề nghị mức hình phạt và đề nghị xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự và không áp dụng hình phạt bổ sung là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình truy tố và tai Pên tòa người bị hại ông Nguyễn Hữu Nh1 và chị Nguyễn Thị Kim L và Hoàng Thị Tài L1 đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với hành vi cố ý gây thương tích của bị cáo Trần Văn P cho ông Nh1 và bà Lan, tại Pên tòa ông Nh1, chị L yêu cầu bồi thường số tiền 120.362.000 đồng; tại Pên toà bị cáo P đồng ý bồi thường số tiền trên cho người bị hại. Hội đồng xét xử, xét thấy giữa bị cáo và người bị hại thoả Th1 thống nhất về số tiền bồi thường là tự nguyện; nội dung thoả Th1 không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên C ghi nhận.

[10] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Đối với số tiền bán xe Future FI cho hai người Campuchia (không rõ nhân thân, lai lịch) được 8.000.000 đồng; Nh, C3 và T1 thống nhất cho P là 5.500.000 đồng, còn số tiền 2.500.000 đồng, sau khi trừ tiền mua bia, nước uống trên đường, còn lại chia nhau mỗi người 700.000 đồng. Xét thây đây là tiền do phạm tội mà có nên C truy thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 01 (một) con dao (dao tự chế) dài 52 cm, phần cán dài 15,5 cm được quấn băng keo màu đen, lưỡi bằng kim loại màu sáng, có chữ KATASHI, bản dao rộng nhất 4 cm, vỏ bọc lưỡi dao bằng carton quấn băng keo đen bên ngoài dài 39,5 cm, hai đầu có buộc dây màu đen; 01 (một) vỏ dao tự chế, dùng băng keo trong quấn xung quanh và băng keo cuốn thành một sợi dây nối giữ hai đầu vỏ, kích thước dài 37 cm, rộng 07 cm. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 đã đề nghị Cơ quan CSĐT tách ra và có C3 văn chuyển đề nghị Cơ quan An ninh điều tra C3 an tỉnh Đồng Nai tiến hành trưng cầu giám định để xác định loại vũ khí gì, theo Thông tư liên tịch số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý trong vụ án này.

01 (một) xe mô tô Wave màu đen, không có yếm, không có áo, không có bửng, không có biển số kiểm soát, số máy, số khung bị mài mòn: Kết luận giám định xe mô tô của Phòng Kỹ thuật hình sự C3 an tỉnh Bình Phước (cũ) số khung, số máy hiện tại đã bị mài mòn không tái hiện được các ký tự, không đủ cơ sở kết luận ký tự nguyên thủy nên Cơ quan CSĐT không có căn cứ xác định được chủ sở hữu chiếc xe trên nên C tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

01 (một) áo khoác vải màu nâu đen, có mũ trùm đầu, , 01 (một) mũ bảo hiểm màu nâu đen có in chữ VICTORY 19-5 là tài sản của Trần Văn P sử dụng thực hiện hành vi phạm tội nên C tịch thu tiêu hủy.

01 (một) điện thoại di động Samsung Galaxy A71, màu xám bạc là tài sản của bị cáo P sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên C tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, màu xanh, là tài sản của Nguyễn Minh T1 sử dụng vào việc phạm tội nên C tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vision; màu trắng - nâu - đen; biển số: 93G1-213.05; Số khung: RLHJF5830KY509329; Số máy:

JF86E0209242, là tài sản của bà Hoàng Thị Tài L1, Cơ quan CSĐT đã trả lại cho bà Hoàng Thị Tài L1, bà L2 không có ý kiến gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Future FI; Màu sơn: đỏ đen; Số máy: JC90E0461756; Số khung: RLHJC7653PY1369822, là tài sản của bà Nguyễn Thị Kim L, Cơ quan CSĐT đã trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim L, Hội đồng xét xử không xem xét lại.

Đối với 70 (bảy mươi) chai dầu trị viêm xoang, có đặc điểm giống nhau và không có nhãn hiệu, chai bằng thủy tinh cao 3,5 cm, nắp chai bằng nhựa màu đỏ, dung dịch bên trong màu cam; 01 cái Turbo MODEL: GT25-YC4110 đã bị tháo rời; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J8, số IMEI (khe 1): 359051092456573, là của ông Nh1 nên Cơ quan CSĐT đã trả lại cho ông Nguyễn Hữu Nh1, Hội đồng xét xử không xem xét lại.

[11] Đối với Đồng Văn Cđã có hành vi mang chiếc xe mô tô Honda Future FI, biển số 93G1-328.33 là tài sản do bị cáo Trần Văn P trộm cắp mà có và chở Trần Văn P đi đến địa điểm xảy ra vụ cố ý gây thương tích. Tuy nhiên, quá trình điều tra, Đồng Văn Ckhông biết chiếc xe mô tô Honda Future FI, biển số: 93G1-328.33 là tài sản do Trần Văn P trộm cắp mà có nên mang đi bán giúp nhưng không bán được. Đồng Văn Ckhông tham gia, không biết việc Trần Văn P dùng 01 con dao chém gây thương tích cho ông Nguyễn Hữu Nh1 và bà Nguyễn Thị Kim L, nên không đủ yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại khoản 1, Điều 323 Bộ luật hình sự và tội 'Cố ý gây thương tích" quy định tại khoản 2, Điều 134 Bộ luật hình sự là có cơ sở.

[12] Đối với Vũ Viết L2, Võ Văn G, Trần Thị Thu Xuân, Nguyễn Huỳnh Th1, Nguyễn Thị Xuân Thu: Khi Trần Văn P và Đồng Văn Cmang hai xe mô tô đến gửi không nói nguồn gốc 02 chiếc xe trên do trộm cắp mà có nên L2, Gương, Xuân, Th1, Thu không biết, không nhận thức được đây là tài sản do phạm tội mà có nên hành vi của L2, Gương, Xuân, Th1, Thu không đề cập xử lý là có cơ sở.

[13] Đối với ông Lê Văn N là cha của Nguyễn Thị B đã có hành vi cho B mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ - đen, biển số: 93P1 – 242.13 của Nên để B đi tìm điện thoại di động của B làm rơi tại hiện trường, ông Nên chỉ nghe B kể về việc đi trộm cắp cùng với P, ông Nên đã yêu cầu B ra cơ quan C3 an khai nhận hành vi, do vậy, ông Nên không liên quan đến hành vi phạm tội của B và P.

[12] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo Trần Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Văn P, Nguyễn Thị B và Đồng Văn Cphạm tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo Trần Văn P phạm tội "Cố ý gây thương tích". Các bị cáo Trần Văn Nh, Nguyễn Minh T1 và Lê Văn C3 phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

- Căn cứ Điều 260, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm d, đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 đối với tội "Trộm cắp tài sản" và tội "Cố ý gây thương tích"; điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017của Bộ luật Hình sự; phạt bị cáo Trần Văn P 03 (Ba) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản"; 03 (Ba) tù về tội "Cố ý gây thương tích"; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Văn P phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 06 (Sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/3/2025.

- Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; phạt bị cáo Nguyễn Thị B 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/3/2025.

- Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; phạt bị cáo Đồng Văn C02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/3/2025.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 38, Điều 58; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; phạt bị cáo Trần Văn Nh 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/3/2025.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; phạt bị cáo Nguyễn Minh T1 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/3/2025.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; phạt bị cáo Lê Văn C3 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 06/3/2025.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các điều 584, 585, 587 và 590 Bộ luật

Dân sự; buộc bị cáo Trần Văn P phải bồi thường cho người bị hại ông Nguyễn Hữu Nh1 và chị Nguyễn Thị Kim L số tiền 120.362.000 đồng.

Kể từ từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Th1 thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

- Truy thu số tiền 5.500.000 đồng do phạm tội mà có đối với bị Trần Văn P.

- Truy thu mỗi bị cáo số tiền 833.000 đồng do phạm tội mà có đối với các bị cáo Trần Văn Nh, Nguyễn Minh T1 và Lê Văn C3.

- Tuyên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) xe mô tô Wave màu đen, không có yếm, không có áo, không có bửng, không có biển số kiểm soát, số máy, số khung bị mài mòn.

- Tuyên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động Samsung Galaxy A71, màu xám bạc.

- Tuyên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, màu xanh.

- Tuyên tịch thu tiêu huỷ 01 (một) áo khoác vải màu nâu đen, có mũ trùm đầu; 01 (một) mũ bảo hiểm màu nâu đen có in chữ VICTORY 19-5.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 8980/2025 ngày 15 tháng 09 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13 – Đồng Nai.)

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ Ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm hình sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Văn P phải chịu 6.018.000 đồng.

6. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại Pên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại Pên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Đồng Nai;
- C3 an tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 13 – Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 13;
- Các bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PÊN TÒA

Nguyễn Văn Công